

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung Phụ phí nhiên liệu đối với các dịch vụ cảng biển
tại Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ**

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

- Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/06/2023; Luật số 140/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15;
- Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-CCT ngày 31/12/2025 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Cảng Cần Thơ) về việc ban hành Biểu giá dịch vụ cảng biển năm 2026 (tiền Việt Nam đồng) (gọi tắt là Biểu giá nội);
- Căn cứ Quyết định số 174//QĐ-CCT ngày 31/12/2025 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Cảng Cần Thơ) về việc ban hành Biểu giá dịch vụ cảng biển năm 2026 (tiền Đô la Mỹ) (gọi tắt là Biểu giá ngoại);
- Căn cứ điều kiện khai thác thực tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bổ sung phụ phí nhiên liệu đối với các dịch vụ xếp dỡ hàng hóa theo biến động giá nhiên liệu tại bến cảng thuộc Cảng Cần Thơ.

- Phạm vi áp dụng: tại Bến Cảng Hoàng Diệu; Bến Cảng Cái Cui và khu vực bến phao Vàm Cái Sắn, phường Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Mức phụ phí nhiên liệu được áp dụng theo biến động của giá bán lẻ dầu DO 0.05S-II tại vùng I do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam công bố tại website: www.petrolinex.com.vn

Giá dầu DO được Cảng Cần Thơ cập nhật vào thời điểm 08 giờ 00 phút hàng ngày để làm căn cứ xác định mức phụ thu.

1. Hàng container (Biểu giá nội)

Phụ thu xếp dỡ container tác nghiệp Bãi ⇔ Ô tô theo biến động giá nhiên liệu:

DVT: Đồng/container

STT	Giá dầu DO (đồng/lít)	Mức phụ phí nhiên liệu			
		Container hàng ≤ 20'	Container hàng ≥ 40'	Container rỗng ≤ 20'	Container rỗng ≥ 40'
1	≤ 23.000	0	0	0	0
2	23.001 – 26.000	50.000	60.000	35.000	50.000
3	26.001 – 29.000	100.000	120.000	70.000	100.000
4	29.001 – 32.000	150.000	180.000	105.000	150.000
5	32.001 – 35.000	200.000	240.000	140.000	200.000
6	35.001 – 38.000	250.000	300.000	175.000	250.000

STT	Giá dầu DO (đồng/lít)	Mức phụ phí nhiên liệu			
		Container hàng ≤ 20'	Container hàng ≥ 40'	Container rỗng ≤ 20'	Container rỗng ≥ 40'
7	38.001 – 41.000	300.000	360.000	210.000	300.000
8	41.001 – 44.000	350.000	420.000	245.000	350.000
9	44.001 – 47.000	400.000	480.000	280.000	400.000
10	47.001 – 50.000	450.000	540.000	315.000	450.000

2. Hàng ngoài container (Biểu giá nội)

- Phụ phí nhiên liệu đối với dịch vụ xếp dỡ hàng hóa theo biến động giá nhiên liệu đối với các loại hàng quy định tại Bảng 7, Bảng 8 tại Biểu cước nội.

- Tác nghiệp xếp dỡ áp dụng phụ thu:

+ Tàu ⇔ sà lan/ghe, xe;

+ Tàu ⇔ Kho, bãi cảng (bao gồm cả chênh lệch Liner/Berth term);

+ Kho, bãi cảng ⇔ Ô tô, toa xe, sà lan.

STT	Giá dầu DO (đồng/lít)	Mức phụ phí nhiên liệu
1	≤ 23.000	0
2	23.001 – 26.000	03% đơn giá xếp dỡ hiện hành
3	26.001 – 29.000	06% đơn giá xếp dỡ hiện hành
4	29.001 – 32.000	09% đơn giá xếp dỡ hiện hành
5	32.001 – 35.000	12% đơn giá xếp dỡ hiện hành
6	35.001 – 38.000	15% đơn giá xếp dỡ hiện hành
7	38.001 – 41.000	15% đơn giá xếp dỡ hiện hành
8	41.001 – 44.000	18% đơn giá xếp dỡ hiện hành
9	44.001 – 47.000	18% đơn giá xếp dỡ hiện hành
10	47.001 – 50.000	21% đơn giá xếp dỡ hiện hành

Điều 2. Điều chỉnh giá dịch vụ lai dắt tàu biển trong trường hợp phải điều động tàu lai dắt nơi khác đến vị trí dẫn tàu cập/ rời bến cảng, phao neo tại Cảng Cần Thơ tại bảng 3 Biểu cước nội và bảng 3 Biểu cước ngoại như sau:

2.1. Tàu vận tải quốc tế

PHƯƠNG TIỆN	CÔNG SUẤT (HP)	ĐƠN GIÁ (USD/lượt (vào/ra))
Tàu lai	500 HP	506
Tàu lai	1.000 HP	804
Tàu lai	1.500 HP	1193
Tàu lai	2.000 HP	1492
Tàu lai	2.500 HP	1657

2.2. Tàu vận tải trong nước

PHƯƠNG TIỆN	CÔNG SUẤT (HP)	ĐƠN GIÁ (Đồng/lượt (vào/ra))
Tàu lai	500 HP	7.140.000
Tàu lai	1.000 HP	13.430.000
Tàu lai	1.500 HP	16.660.000
Tàu lai	2.000 HP	20.740.000
Tàu lai	2.500 HP	24.310.000

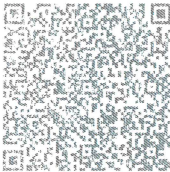
Điều 3. Các giá dịch vụ và Phụ phí nhiên liệu ban hành tại Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 14/4/2026.

Điều 5. Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng chuyên môn, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- HĐQT, BKS;
- Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, KDTT



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Hà

